



Ảnh Diệp Đức Minh

Can thiệp của chính phủ vào thị trường nông sản Từ lý thuyết đến thực tiễn

Thạc sĩ ĐOÀN THỊ MỸ HẠNH

(Tiếp theo kỳ trước)

2. Chính sách của Liên minh châu Âu

Trợ giá : trong những năm 60 và 70 khi Liên minh châu Âu còn là Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC), nông dân các nước trong Cộng đồng bán nông sản với một giá thống nhất. Giá này được xác định trên cơ sở giá thành sản phẩm của nước có giá thành cao nhất nên nhà nông bán được nông sản với giá từ hòa vốn đến có lời. Cách tính giá như vậy làm cho giá nông sản trên thị trường các nước EEC cao hơn giá trên thị trường thế giới.

Thắt chặt nhập khẩu bằng thuế quan và hạn ngạch: Để tránh tình trạng hàng nông sản ngoại nhập có giá thấp hơn tràn vào thị trường các nước EEC trong những năm 60 và 70, EEC đã áp dụng chính sách thắt chặt nhập khẩu bằng thuế quan hoặc hạn ngạch nhằm đẩy giá hàng nông sản nhập khẩu tăng lên.

Trợ cấp xuất khẩu hàng nông sản : cùng với việc áp dụng thuế quan nặng và qui định hạn ngạch để hạn chế nhập khẩu nông sản, EEC còn tạo điều kiện để hàng nông sản của EEC xuất được ra nước ngoài, cạnh tranh

được trên thị trường thế giới bằng cách áp dụng chính sách trợ cấp cho hàng nông sản xuất khẩu. Với chính sách này, khi nông dân bán nông sản ra thị trường ngoài EEC họ sẽ bán với giá thấp hơn giá trên thị trường EEC và phần chênh lệch giá đó sẽ được cấp bù.

Để thực hiện được các chính sách hỗ trợ cho nông nghiệp, EEC đã thành lập Quỹ bảo trợ và chỉ đạo nông nghiệp châu Âu. Các nước thành viên đóng góp vào Quỹ để tạo nguồn tài chính thực hiện chính sách trợ cấp chung cho các nước trong Cộng đồng dưới hình thức trợ giá nông sản và trợ cấp trực tiếp cho nông dân. Với chính sách trợ giá, hằng năm Quỹ dựa vào điều kiện cụ thể để xác định giá sàn của một số loại nông sản mà lương thực là mặt hàng được quan tâm hàng đầu. Khi giá thị trường thấp hơn giá sàn thì Quỹ sẽ trích tiền mua vào phần dư thừa để đẩy giá lên. Cùng với việc trợ cấp thông qua giá sàn Quỹ còn áp dụng trợ cấp trực tiếp cho nông dân xuất khẩu nông sản. Ngoài ra Quỹ còn trợ giá chuyển đổi ngoại tệ trong xuất nhập khẩu nông sản.

Ngoài Quỹ bảo trợ và chỉ đạo nông nghiệp, châu Âu còn có Quỹ

phát triển khu vực châu Âu để khuyến khích các cơ sở kinh doanh nhỏ và vừa tài trợ cho các vùng nông nghiệp kém phát triển ; Quỹ xã hội châu Âu để bảo hiểm cho công nhân nông nghiệp, tài trợ cho việc chuyển nghề của lao động nông nghiệp, tạo việc làm, giúp đỡ lao động thời vụ v.v...

Nhờ các chính sách trợ nông được áp dụng trong thời kỳ này, các nước EEC đã đạt được tốc độ tăng trưởng khá nhanh. Từ chỗ sản xuất lương thực thực phẩm không đủ đáp ứng cho nhu cầu của dân cư trong Cộng đồng, các nước EEC đã có dư nông sản để xuất khẩu. Nhưng bên cạnh đó cũng phát sinh nhiều vấn đề như việc đóng góp và hưởng lợi không đồng đều giữa các nước, giá nông sản cao đã không khuyến khích nông dân tích cực hạ giá thành nông sản và gây ra tình trạng sản xuất dư thừa v.v.... Vì thế vào năm 1988, hội nghị bộ trưởng 12 nước EC (lúc bấy giờ Cộng đồng kinh tế châu Âu đã trở thành Cộng đồng châu Âu) đã đồng ý đưa ra những hạn chế về trợ giá đối với một số nông sản chủ yếu ngoại trừ hai mặt hàng đường và sữa vốn đã có hạn ngạch từ năm 1984. Hội nghị đi đến thống nhất là khi loại nông sản

nào có sản lượng vượt hạn mức thì sẽ giảm trợ giá đối với loại nông sản đó. Đến tháng 6 năm 1992 Hội đồng bộ trưởng EC thông qua Điều lệ cải cách nông nghiệp châu Âu trong đó thể hiện mục tiêu của chính sách giá cả là phải bảo đảm sao cho giá có tính cạnh tranh cao để nông sản của các nước EC có thể cạnh tranh được trên thị trường nội địa và trên thị trường thế giới. Vì thế trọng tâm của cuộc cải cách chính sách lần này là nhằm làm giảm giá thành của một số nông sản chủ yếu và giảm diện tích canh tác để giảm số lượng dư thừa. Nhưng nếu thu nhập của nông dân bị giảm do những quy định về hạn mức của EC họ sẽ được đền bù trực tiếp.

Kết quả của những cải cách về chính sách này đã làm giảm chi ngân sách cho nông nghiệp một cách đáng kể, giá ngũ cốc giảm làm tăng khả năng cạnh tranh của các nhà sản xuất ngũ cốc trên thị trường thế giới, Quỹ nông nghiệp được chỉ vào việc hỗ trợ trực tiếp cho nông dân nhiều hơn là chỉ cho việc bảo quản số nông sản dư thừa mà Quỹ mua vào. Những năm gần đây Liên minh châu Âu vẫn tiếp tục duy trì chính sách trợ nông với khoản chi hàng trăm tỷ EUR/năm như những số liệu trong bảng 2.

Bảng 2 : Chi trợ nông của Liên minh châu Âu

Đơn vị : triệu EUR

	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002
Tổng trợ cấp	100.795	97.251	97.074	105.755	107.811	96.146	97.963	106.689
Trợ cấp cho các loại hạn chế diện tích								
- Bắp	523	829	804	781	743	1.486	1.599	1.245
- Ngũ cốc	8.189	8.908	9.146	8.971	8.426	10.019	10.611	10.884
- Các loại đậu	523	525	618	647	524	450	472	505

Nguồn : OECD 2003

3. Chính sách của chính phủ Nhật Bản

Ở Nhật, 80% tổng giá trị sản phẩm nông nghiệp được hưởng chính sách bảo hộ qua giá nông sản. Trong những năm 1960, chính phủ Nhật đã quyết định tăng giá mua lúa gạo của nhà nông để giảm chênh lệch về thu nhập giữa khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp. Giá mua lúa thời kỳ

này được xác định trên cơ sở chi phí sản xuất trung bình của 3 năm trước đó và chi phí lao động của nông dân được tính trên cơ sở mức tiền công bình quân trong ngành công nghiệp. Do đó nếu thu nhập của khu vực phi nông nghiệp tăng lên thì giá mua lúa cũng tăng lên tương ứng.

Trong những thập niên 1970 – 1980 vì những lý do chính trị, giá mua lúa đã tăng lên rất nhanh. Điều này đã có tác dụng làm tăng cung nên đã dẫn đến tình trạng cung vượt cầu và chính phủ buộc phải mua hết phần dư cung để giữ giá. Vào năm 1970 dự trữ gạo của chính phủ Nhật đã đạt đến 7,2 triệu tấn nên để giảm dự trữ, chính phủ đã phải chuyển một phần gạo cho chăn nuôi và xuất khẩu với giá thấp. Khoản tiền lỗ này chính phủ đã thanh toán bằng tài khoản đặc biệt kiểm soát lương thực. Những năm tiếp theo chính phủ đã áp dụng nhiều biện pháp nhằm giảm thâm hụt tài khoản đặc biệt kiểm soát lương thực như cho phép các hợp tác xã của nông dân bán buôn trực tiếp với các nhà buôn, không kiểm soát trực tiếp giá gạo nữa, và thực hiện các biện pháp để chuyển đổi cơ cấu cây trồng, chuyển một phần diện tích trồng lúa sang trồng các loại cây khác.

Ngoài lúa, Chính phủ Nhật cũng kiểm soát chặt chẽ thị trường các loại nông sản khác thông qua các chính sách bảo hộ cho ngành nông nghiệp như bảo hộ qua giá nông sản, hạn chế mậu dịch đối với hàng hóa nông nghiệp và trợ giá đầu vào.

4. Chính sách của chính phủ Thái Lan

Chính sách giá sàn : được áp dụng đối với lúa. Giá này bằng chi phí sản xuất cộng với tỷ suất lợi nhuận 20% tính trên chi phí sản xuất. Để chính sách giá sàn không làm nông dân thất vọng, khi giá lúa trên thị trường xuống dưới giá sàn, chính phủ áp dụng nhiều biện pháp đồng thời hỗ trợ cho việc thực hiện chính sách giá sàn như: cho nông dân thế chấp phần lúa dư thừa cho ngân hàng để vay tiền với lãi suất thấp, cho các nhà máy xay xát lúa, các nhà xuất khẩu, các hợp tác xã nông nghiệp v.v... vay tiền với lãi suất thấp để mua lúa dự trữ nhằm kích cầu lúa gạo. Ngoài ra chính phủ còn giao cho các tổ chức của nhà nước mua lúa đưa vào dự trữ với giá bằng hoặc cao hơn giá sàn. Sau đó dùng các hợp đồng chính phủ để xuất khẩu số lúa này, số tiền lỗ nếu có phát sinh sẽ do chính phủ chịu.

Chính sách trợ giá đầu vào : ngoài chính sách giá sàn chính phủ Thái Lan còn áp dụng chính sách trợ giá đầu vào như miễn thủy lợi phí với khoản chi ngân sách hàng năm khoảng 30 triệu USD. Về thuế sử dụng đất, nông dân Thái Lan chỉ đóng một cách tượng trưng, khoảng 1 USD/ha/năm. Chính phủ còn hỗ trợ ngành trồng trọt quản lý chất lượng nông sản, giống cây trồng, kỹ thuật và công nghệ thu hoạch, bảo quản v.v...

Chính sách hỗ trợ xuất khẩu : Chính phủ Thái Lan có chiến lược hỗ trợ xuất khẩu rất mạnh, thể hiện qua các hình thức hợp đồng "Chính phủ với chính phủ" được ký kết giữa Thái Lan và các nước đối với hai mặt hàng lúa gạo và cao su. Năm 1994 khi giá gạo ở Thái Lan giảm, Chính phủ đã lập tức áp dụng các biện pháp hỗ trợ thị trường gạo trong nước, thiết lập lại chế độ trợ cấp xuất khẩu gạo đã tạm dừng vào tháng 1.1993 đồng thời gia tăng đàm phán với Nga và Indonesia để ký hợp đồng xuất khẩu gạo. Chính phủ còn cung cấp tín dụng để xây dựng nhà máy xay xát gạo tại Brunei nhằm xuất gạo trực tiếp sang nước này. Ngoài ra Chính phủ còn dành một khoản ngân sách để quảng bá

Bảng 3 : Phần trăm GDP chi cho trợ nông

	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002
Úc	2,5	2,8	2,4	3,0	2,2	1,4	1,4	1,3
Canada	0,9	0,8	0,7	0,8	0,8	0,8	0,8	0,8
Cộng hòa Czech	1,2	1,2	0,7	2,1	1,7	1,3	1,7	1,7
Liên minh châu Âu	1,7	1,6	1,5	1,5	1,5	1,3	1,3	1,3
Hungary	1,7	1,6	1,5	3,3	3,1	2,6	2,4	2,8
Ái - len	2,4	2,1	2,1	2,3	2,2	2,0	1,6	1,6
Nhật	1,9	1,7	1,5	1,6	1,5	1,4	1,4	1,4
Hàn Quốc	5,9	5,1	5,1	4,9	5,1	4,8	4,6	4,5
Mexico	0,2	1,1	1,6	1,6	1,4	1,5	1,3	1,4
Niu Di lân	0,4	0,4	0,4	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3
Na Uy	2,2	2,0	1,9	2,0	1,8	1,5	1,4	1,5
Phần Lan	2,5	2,8	2,4	3,0	2,2	1,4	1,4	1,3
Cộng hòa Slovakia	1,6	0,3	1,7	3,1	2,2	2,0	1,3	1,6
Thụy Điển	2,6	2,5	2,4	2,4	2,2	2,1	2,0	2,0
Thổ nhĩ kỳ	3,6	4,2	5,6	7,0	6,5	5,3	3,6	4,1
Mỹ	1,0	1,0	0,9	1,0	1,1	0,9	1,0	0,9
OECD	1,6	1,5	1,4	1,5	1,4	1,3	1,2	1,2

Nguồn : OECD 2003

sản phẩm ra nước ngoài, hỗ trợ công tác thông tin, tiếp thị, xây dựng chợ nông sản tại những vùng có lượng nông sản hàng hóa lớn.

Việc áp dụng các chính sách trợ nông ở nhiều nước làm cho giá nông sản tăng cao đồng thời tạo ra sự bất bình đẳng trong giao thương nông sản. Hàng nông sản ở các nước nghèo không thể cạnh tranh nổi với hàng nông sản được hưởng trợ giá, trợ cấp được sản xuất ở các nước giàu. Vì thế nông dân ở các nước nghèo đã đấu tranh đòi các nước giàu phải giảm trợ giá, trợ cấp, mở cửa thị trường. Đó chính là lý do khiến các vòng đàm phán của WTO luôn căng thẳng.

Vì thế những năm gần đây chính phủ nhiều nước, nhất là các nước thuộc OECD đã cam kết

cải cách chính sách nông nghiệp theo định hướng thị trường, giảm trợ nông.

Bảng 4 : Tổng trợ cấp của các nước OECD từ năm 1995 đến 2002

Đơn vị : triệu USD

	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002
Úc	2.259	2.334	2.251	1.775	1.658	1.352	1.171	1.232
Canada	5.393	5.214	4.482	4.821	5.006	5.533	5.308	5.969
Cộng hòa Czech	617	699	374	1.214	925	658	975	1.186
Liên minh châu Âu	145.909	140.124	127.185	132.773	128.898	100.061	98.921	112.564
Hungary	780	743	701	1.536	1.474	1.206	1.228	1.797
Ái - len	165	150	154	184	186	165	124	139
Nhật	98.574	77.478	62.906	63.514	66.400	67.480	57.338	55.687
Hàn Quốc	28.667	26.728	24.510	15.543	20.803	22.306	19.347	21.009
Mexico	497	3.668	6.307	6.764	6.620	8.969	8.142	8.908
Niu Di lân	256	243	253	174	179	167	126	189
Na uy	3.331	3.223	2.994	3.030	2.856	2.493	2.354	2.873
Phần Lan	3.204	4.034	3.458	4.804	3.482	2.254	2.388	2.387
Cộng hòa Slovakia	313	63	354	673	442	401	268	386
Thụy Điển	8.088	7.476	6.193	6.263	5.802	4.977	4.927	5.526
Thổ nhĩ kỳ	6.145	7.648	10.656	14.118	11.977	10.491	5.410	7.733
Mỹ	70.538	77.218	76.314	91.370	99.529	92.797	97.442	90.273
OECD	374.737	357.043	329.093	348.557	356.237	321.311	305.470	318.264

Nguồn : OECD 2003

Theo những số liệu trong bảng 3 thì tỷ trọng chi trợ nông trong GDP của một số nước OECD như Liên minh châu Âu, Nhật, Mỹ có xu hướng giảm. Tuy vậy chi trợ nông ở những nước này vẫn còn rất cao thể hiện qua những số liệu trong bảng 4. Có đến 60% tổng số tiền trợ cấp đã được chi để trợ cấp xuất khẩu và trợ giá, 40% còn lại chi cho trợ cấp đầu vào, nghiên cứu, giáo dục và các dịch vụ khác. Phần trợ cấp mà người sản xuất được hưởng chiếm khoảng 50% tổng trợ cấp chủ yếu là cho những người sản xuất sữa, thịt bò và lúa gạo ■

Tài liệu tham khảo:

Đặng Kim Sơn & Hoàng Thu Hòa, *Một số vấn đề về phát triển nông nghiệp và nông thôn*, NXB Thống kê, Hà Nội 2002
David Colman & Trevor Young, *Nguyên lý kinh tế nông nghiệp*, bản dịch của Lê Ngọc Dương và Trần Công Tá, NXB Nông nghiệp, 1999
GS Nguyễn Điển, Vũ Hạnh, Nguyễn Thu Hằng, *Nông nghiệp thế giới bước vào thế kỷ XXI*, NXB Chính trị quốc gia, 1999.
Robert L. Mc CAN, Mark Perlman, William H. Peterson, *Khái quát về kinh tế Mỹ*, PTS Nguyễn Tiến Lộc biên dịch, NXB Chính trị quốc gia, 1998
[http:// www.vneconomy.vn](http://www.vneconomy.vn)
<http:// www.eurostat.com>
<http:// www.OECD.org>